

NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

SO SÁNH TU TỪ TRONG MỘT SỐ SỬ THI
CỦA NGƯỜI ÊĐÊ Ở TÂY NGUYÊN VIỆT NAM

NGUYỄN MINH HOẠT* - NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN**

TÓM TẮT: Sử thi Êđê là một bộ phận của sử thi Tây Nguyên, Việt Nam, do người Êđê sáng tạo ra trong thời kì đầu của lịch sử. Đây là một thể loại mang đậm màu sắc hư cấu, mỹ lệ; ngôn ngữ có vần, nhịp, miêu tả những chiến công anh hùng trong lao động và chiến đấu, những hình tượng hoành tráng, kì vĩ về những biến cố lớn diễn ra trong đời sống của cộng đồng. Sử thi Êđê phản ánh một cách toàn diện đời sống kinh tế, xã hội các phong tục tập quán của người Êđê. Đồng thời nói lên khát vọng của tộc người về một cuộc sống hạnh phúc, thịnh vượng, ngời ca tình yêu, lòng cao thượng, trí dũng con người trước thử thách của thiên nhiên và trong đấu tranh với cái ác. Trên cơ sở lí thuyết về so sánh và so sánh tu từ; cấu trúc của so sánh tu từ, bài viết nghiên cứu nghệ thuật so sánh tu từ trong một số sử thi: Đăm Săn, Xing Nhã, Khing Ju của người Êđê ở Tây Nguyên Việt Nam; Làm rõ các yếu tố so sánh tu từ, như: Yếu tố được so sánh; Yếu tố phương diện so sánh; Yếu tố quan hệ so sánh - từ ngữ so sánh; Yếu tố so sánh. Qua đó làm rõ giá trị của nghệ thuật so sánh tu từ trong sử thi Êđê đối với nội dung tác phẩm và thể hiện nét đặc trưng văn hóa của người Êđê thời cổ đại.

TỪ KHÓA: so sánh tu từ; sử thi; Êđê; Đăm Săn; Xing Nhã; Khing Ju; Tây Nguyên; Việt Nam.

NHẬN BÀI: 23/02/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 06/05/2023

1. Mở đầu

1.1. Sử thi (tráng sĩ ca, trường ca) là thuật ngữ có nguồn gốc quốc tế: *epic* (tiếng Anh), *épopée* (tiếng Pháp). Sử thi dùng để chỉ một loại truyện dân gian có hình thức hát kể, xâu chuỗi, đúc kết các thần thoại, truyền thuyết thành các hệ thống một cách nghệ thuật, sống động và hấp dẫn, tạo nên bức tranh hoành tráng về lịch sử cộng đồng, dân tộc. “Sử thi là tác phẩm lớn thuộc loại văn tự sự, miêu tả sự nghiệp của những người anh hùng và các sự kiện lịch sử lớn.” (Hoàng Phê, chủ biên, tr.845).

Sử thi Tây Nguyên ở Việt Nam, gồm 801 tác phẩm, là những áng anh hùng ca có dung lượng ngang tầm với các bộ sử thi lớn trên thế giới, như *Iliat*, *Ô-đi-xê*, *Ramayna*,... Đây là sản phẩm thuộc loại hình văn học truyền miệng do cộng đồng các tộc người thiểu số khu vực Tây Nguyên, Việt Nam sáng tác, diễn xướng và lưu truyền trong dân gian. Nó phản ánh một cách trung thực, sinh động đời sống sinh hoạt cộng đồng, những cuộc đấu tranh vì những ý tưởng nhân văn cao cả mà sự kiện trung tâm là hình ảnh những anh hùng thần thoại.

Sử thi Êđê bao gồm 13 tác phẩm, do người Êđê ở Tây Nguyên Việt Nam sáng tạo từ thời cổ đại, có những đặc điểm chung về thể loại sử thi và sử thi Tây Nguyên, phản ánh những nét văn hóa, lịch sử của cộng đồng người Êđê. Ngôn ngữ của sử thi Êđê là những lời nói vần (*klei duê*) giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu, kết hợp đối âm, đối nhịp của các âm tiết để biểu đạt nội dung, dễ nhớ, dễ lưu truyền. Tác giả dân gian thường sử dụng kết hợp các biện pháp tu từ, so sánh, ví von, ẩn dụ, hoán dụ, phóng đại,... mượn hình ảnh cây cỏ, chim thú để nói về hành động và tâm trạng của con người. Bởi vậy, mặc dù các tác phẩm sử thi có độ dài hàng trăm, hàng ngàn câu, nhưng nhiều nghệ nhân vẫn thuộc lòng, truyền cảm hứng cho người nghe.

1.2. Liên quan đến nội dung bài viết, có các công trình tiêu biểu của các tác giả trong và ngoài nước. Chẳng hạn:

Sưu tầm, dịch thuật sử thi Êđê, có các tác giả: Đào Tử Chí (1959) sưu tầm, dịch *Klei khan Y Đăm Săn* sang tiếng Việt. Y Đilêng và cộng sự (1963) sưu tầm, dịch và giới thiệu sáu tác phẩm sử thi *Xing Nhã*, *Đăm Di*, *Khing Ju*, *Đăm Đơăn*, *Y Porao*, *Y Ban*. E.M. Meletinsky (1963), *Từ sử thi cổ sơ đến*

* TS; Trường Đại học Văn Lang, TP Hồ Chí Minh; Email: hoat.nm@vlu.edu.vn

** Trường Đại học Tài chính - Marketing TP. Hồ Chí Minh; Email: ntt.huyen@ufm.edu.vn

sử thi cổ điển. Nguyễn Hữu Thầu (sưu tầm, biên dịch, chỉnh lí) (2003), *Sử thi Êđê - Khan Đăm Săn và Khan Đăm Kteh Mlan*, tập 1 (tiếng Êđê) và tập 2 (tiếng Việt), v.v.

Nghiên cứu sử thi Êđê, có các tác giả: Phan Đăng Nhật (1991), *Sử thi Êđê*. Võ Quang Nhơn (1997), *Sử thi anh hùng Tây Nguyên*, Trương Thông Tuấn (2005), *Ngôn ngữ sử thi Tây Nguyên giàu nhạc điệu*. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2021), Dự án *Điều tra sưu tầm, bảo quản, biên dịch và xuất bản kho tàng sử thi Tây Nguyên*. Nguyễn Minh Hoạt (2020), *Khai thác giá trị ngôn ngữ và văn hóa của sử thi Êđê ứng dụng vào giáo dục và đào tạo ở Tây Nguyên*, v.v.

Các công trình nghiên cứu tập trung vào các lĩnh vực: sưu tầm, dịch thuật, nghiên cứu về sử thi Tây Nguyên và sử thi Êđê... Các nội dung nghiên cứu đã góp phần làm rõ giá trị nội dung và nghệ thuật của sử thi Êđê

1.3. Bài viết này khảo sát nghệ thuật so sánh tu từ trong một số tác phẩm sử thi Êđê tiêu biểu ở Tây Nguyên Việt Nam, như: *Đăm Săn, Xing Nhã, Khing Ju*,... Từ đó phân tích, lí giải các phương diện về cấu trúc so sánh, các yếu tố so sánh. Đồng thời làm rõ giá trị của nghệ thuật so sánh tu từ trong sử thi Êđê và những nét đặc trưng văn hóa của người Êđê trong xã hội sử thi.

2. Phương pháp nghiên cứu

Tiếp cận các tài liệu về so sánh và so sánh tu từ, cấu trúc so sánh tu từ, một số sử thi của người Êđê, như: Đăm Săn, Xing Nhã, Khing Ju để khái quát những vấn đề lí luận và thực tiễn làm cơ sở thực hiện các nội dung nghiên cứu.

Khảo sát một số sử thi của người Êđê, như: Đăm Săn, Xing Nhã, Khing Ju. kết hợp khảo sát thực địa tại một số buôn của người Êđê để thống kê, thu thập, tổng hợp, phân loại, dịch thuật các câu văn trong sử thi và các câu văn trong giao tiếp có sử dụng biện pháp so sánh tu từ để lí giải các yếu tố so sánh tu từ, như: Yếu tố được so sánh; Yếu tố phương diện so sánh; Yếu tố quan hệ so sánh - từ ngữ so sánh; Yếu tố so sánh trong một số sử thi của người Êđê.

Phân tích, tổng hợp, so sánh đối chiếu: Trên cơ sở các số liệu được khảo sát, *luận giải bên trong* các mối quan hệ nội tại của nghệ thuật so sánh tu từ với các hình thức nghệ thuật khác; *Luận giải bên ngoài* về các hình thức so sánh tu từ trong sử thi và các hình thức so sánh tu từ trong giao tiếp của người Êđê. Từ đó đánh giá tổng hợp giá trị của nghệ thuật so sánh tu từ đối với nội dung tác phẩm và thể hiện nét đặc trưng văn hóa của người Êđê.

3. Nội dung

3.1. Khái luận về so sánh tu từ

3.1.1. Khái niệm so sánh và so sánh tu từ

So sánh là một thao tác của tư duy. Thuật ngữ “so sánh” trong tiếng Việt được dùng chỉ một biện pháp được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống. Bản về biện pháp nghệ thuật so sánh, các tác giả đưa ra quan điểm, tiêu biểu:

Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên) “so sánh là nhìn vào cái này mà xem xét cái kia để thấy sự giống nhau, khác nhau hoặc sự hơn kém” (tr.861). Bản chất của phương thức so sánh là sự liên tưởng và mối quan hệ giữa cái dùng làm so sánh (*cái này*) và cái đưa ra để so sánh (*cái kia*).

Nhìn từ góc độ phong cách học, so sánh là một phương thức phổ biến ở mọi ngôn ngữ. Vì thế, đây cũng là một trong những vấn đề được các nhà ngôn ngữ học quan tâm nghiên cứu: A-Ju-Xtêpannov với *Phong cách học tiếng Pháp* (1965), Vinôgradov với *Phong cách học tiếng Nga* (1969), Môren với *Phong cách học tiếng Pháp* (1970)... Những công trình này được giới thiệu ở Việt Nam góp phần làm sáng tỏ về mặt lí thuyết và ứng dụng của phương thức so sánh cũng như khẳng định giá trị của nó trong sáng tạo hình tượng nghệ thuật.

So sánh tu từ cũng sớm được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học Việt Nam đề cập đến. Bắt đầu từ những năm 60 của thế kỉ XX, khi xuất hiện những công trình nghiên cứu tiếng Việt, so sánh cũng được nhắc đến trong các bài giảng về phong cách học. Các tác giả đã đưa ra quan điểm về biện pháp nghệ thuật so sánh. Cụ thể:

Theo tác giả Đinh Trọng Lạc và Nguyễn Thái Hòa (1993) “So sánh là phương thức diễn đạt tu từ khi đem sự vật này đối chiếu với sự vật khác miễn là giữa hai sự vật có một nét tương đồng nào đó, để gọi ra những hình ảnh cụ thể, những cảm xúc thẩm mĩ trong nhận thức người đọc, người nghe” (tr.198). Đinh Trọng Lạc (1994) cũng cho rằng, “So sánh là một biện pháp tu từ ngữ nghĩa, trong đó người ta đối chiếu hai đối tượng khác loại của thực tế khách quan không đồng nhất với nhau hoàn toàn mà chỉ có một nét giống nhau nào đó, nhằm diễn tả bằng hình ảnh một lối tri giác mới mẻ về đối tượng. Cần phân biệt với so sánh luận lí, trong đó cái được so sánh và cái so sánh là các đối tượng cùng loại và mục đích của sự so sánh là xác lập sự tương đương giữa hai đối tượng.” (tr.154). Hầu hết các tác giả đều đưa ra sự phân biệt giữa so sánh logic (so sánh luận lí) và so sánh tu từ.

So sánh logic, chỉ có giá trị thông báo, không tạo ra giá trị biểu cảm. Cái được so sánh và cái so sánh là các đối tượng cùng loại, và mục đích của sự so sánh là xác lập sự tương đương giữa hai đối tượng. Ví dụ: *Mặt con cũng tròn như mặt mẹ. Cô Hoa gầy hơn cô Huệ.*

So sánh tu từ khác với so sánh logic ở tính hình tượng, tính biểu cảm và tính không cùng loại của sự vật. Ví dụ: “*Mặt biển sáng trong như tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch.*” (Vũ Tú Nam). So sánh tu từ vừa mang chức năng nhận thức vừa có giá trị biểu cảm. Việc sử dụng biện pháp so sánh tu từ làm cho đối tượng miêu tả trở nên sinh động, mới mẻ, giàu sức hấp dẫn. “*Qua so sánh tu từ người ta có thể nhận ra những nét riêng thuộc về người sử dụng.*” (Cù Đình Tú, 1983, tr.278).

Từ các quan điểm trên, có thể hiểu, so sánh tu từ - một hình thức của biện pháp tu từ từ vựng, là phương thức biểu đạt bằng ngôn từ một cách hình tượng dựa trên cơ sở đối chiếu hai hiện tượng có những dấu hiệu tương đồng, nhằm làm nổi bật đặc điểm, thuộc tính của hiện tượng này qua đặc điểm, thuộc tính của hiện tượng kia. So sánh tu từ thường có hai vế: vế so sánh (đối tượng cần được biểu đạt một cách hình tượng) và vế được so sánh (đối tượng được dùng để so sánh). Hai vế này được nối liền với nhau bằng các từ: như, bao nhiêu, bấy nhiêu, là,...

3.1.2. Cấu trúc của so sánh tu từ

So sánh tu từ được sử dụng phổ biến ở các thể loại của văn học dân gian, thơ ca và cả văn xuôi. Tùy vào từng mục đích và hoàn cảnh khác nhau mà phép so sánh tu từ được sử dụng để diễn đạt sự liên tưởng, thái độ và tình cảm của người nghệ sĩ đối với sự vật, sự việc trong tác phẩm.

Lí thuyết so sánh tu từ trên bình diện kết học và nghĩa học cùng với quan điểm của Nguyễn Thế Lịch (1998), Đinh Trọng Lạc-Nguyễn Thái Hòa (1993) thống nhất cho rằng, cấu trúc đầy đủ của phương thức so sánh tu từ, gồm bốn yếu tố: Yếu tố được so sánh (A), Yếu tố phương diện so sánh (x), Yếu tố quan hệ so sánh - từ ngữ so sánh (tnss), Yếu tố so sánh (B). Ví dụ:

Bảng 1. Ví dụ về các yếu tố trong cấu trúc phương thức so sánh tu từ.

(A)	(x)	(tnss)	(B)
Mặt	tươi	như	hoa

Có thể khái quát công thức so sánh hoàn chỉnh: **A + x + tnss + B.**

Tuy nhiên, khi so sánh, tùy vào đối tượng, tình huống, mục đích, tác giả có thể tạo ra những biến thể, như: đảo trật tự cấu trúc các yếu tố hoặc thêm, bớt các yếu tố trong cấu trúc.

So sánh tu từ trong sử thi Êđê, có cấu trúc và quan hệ gồm bốn yếu tố như so sánh trong ngôn ngữ nói chung, nhưng kiểu so sánh của người Êđê trong sử thi thường có cấu trúc trùng điệp: một A hoặc điệp lại A, một x hoặc điệp lại x, có thể hơn một tnss và hơn một B. Ví dụ:

“*Dlăng lăng nữ yak êbat, msế tlang lơ wơ, si grữ ewa, si êa đoh bơ đung chung rung.*” [3, tr.67].

(Chân nàng bước đi như con điều bay cao, như con chim grử lượn trên trời, như dòng nước nhẹ trôi êm ả.) [3, tr.242].

Ở ví dụ trên, chỉ có 1 A: *Dlăng lăng nữ yak êbat* (nhìn chân nàng bước đi); nhưng có 3 tnss: *msế / si / si* (như) được lặp lại và đứng đầu các yếu tố so sánh để nhấn mạnh, làm rõ đối tượng được so sánh; và có 3 B: *tlang lơ wơ* (con điều bay cao), *grử ewa* (con chim grử lượn trên trời), *êa đoh bơ đung chung rung* (dòng nước nhẹ trôi êm ả).

Các hình ảnh biểu trưng xuất hiện ở B có giá trị làm rõ vẻ đẹp của A: *Dlăng lăng nũ yak êbat* (nhìn chân nàng bước đi). Mặc dù ở ví dụ này không xuất hiện x nhưng người đọc, người nghe đã liên tưởng tạo ra x để hiểu được nội dung so sánh qua mối quan hệ giữa các yếu tố.

Kiểu so sánh này nhằm nhấn mạnh, yếu tố được so sánh (A) và làm rõ nó trên nhiều góc độ, giúp người nghe, người đọc hiểu rõ hơn bản chất của A.

Trong một số cấu trúc so sánh, tuy **tnss** không có mặt nhưng do mối liên hệ tương đồng về nghĩa giữa A và B mà hiểu được các yếu tố so sánh.

3.2. Các yếu tố so sánh tu từ trong một số sử thi của người Êđê

3.2.1. Yếu tố được so sánh (A)

Yếu tố được so sánh (A) trong sử thi Êđê bao gồm: vẻ đẹp hình dáng, tính cách, tâm lí sức mạnh và hoạt động của con người; những sự vật, hiện tượng trong cuộc sống; một số loài động vật, thực vật gắn liền với đời sống của con người,... được đưa ra đối chiếu với yếu tố phương diện so sánh (x) để làm rõ đối tượng được so sánh.

3.2.2. Yếu tố được so sánh là vẻ đẹp hình dáng, tính cách, tâm lí, sức mạnh và hoạt động của con người

- Vẻ đẹp các bộ phận con người trong sử thi Khing Ju.

“Asei mlei mtih kni mse cim băng yuôr. Buk nu dlông mse buk mniê. Kiê kngan nu grin bi gruôn mse lueh ksua. Bô mta nu suêc wêc mse mtu suên tlam.” [4, tr.162].

(Thân khỏe khoắn, vàng non như con chim hồng, tóc dài như tóc các cô gái, ngón tay đẹp như lông của con nhím, mặt sáng như ánh sao.) [4, tr.930].

- Hình ảnh Khing Ju mạnh như con trâu húc nhau, múa đao nhanh như chớp:

“K’khuk go djam ktang mse si kbao bi mnuh.” [4, tr.44].

(Sức chàng trai mạnh như con trâu húc nhau.) [4, tr.866].

“Khing Ju đã đao hmar mse si kmla.” [4, tr.126].

(Chàng Khing Ju múa đao nhanh như chớp.) [4, tr.910].

- Hành động lướt, nhảy của Đăm Săn được so sánh như con rắn mây.

“Êbat hlam êlan mse prao hwiê, êbat hlam dliê mse prao hmat, kdut jing jai, kdut jing jai...” [1, tr.20].

(Miêu tả Đăm Săn: bước trên đường tựa con rắn mây, lướt trong rừng tựa con rắn roi, vừa nhảy dài, vừa nhảy lúp xúp.) [người dịch: Na My, giảng viên dạy tiếng Êđê, Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk].

- Bước đi của Hơ Nhị rất nhẹ nhàng duyên dáng.

“Bah êbat mnu prang, chuang êbat mlang báo, kam mláo đung bơ aru.” [1, tr.18].

(Tôi tớ miêu tả Hơ Nhị: Khi nàng bước tới, nghe như một con bò chao đang vỗ cánh, một làn bụi trấu thoảng trôi theo bước nàng đi.) [2, tr.14].

- Hoạt động tâm lí, tình cảm của con người cũng được chú ý miêu tả nhằm thể hiện tâm tư, tâm trạng của nhân vật thông qua các phép so sánh giữa đối tượng trừu tượng với sự vật trong thực tiễn. Ví dụ:

“Hmei ciăng ruă tian htei ôh.” [3, tr.68].

(Chúng tôi không muốn đau lòng.) [người dịch: Na My, giảng viên dạy tiếng Êđê, Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk].

“Káo mse mnũ buh blang, huĩ tlam anei.” [3, tr.116].

(Em như gà mới nở, sợ chiều nay.) [người dịch: Na My, giảng viên dạy tiếng Êđê, Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk].

Với yếu tố được so sánh là con người, phép so sánh đã góp phần thể hiện các quan niệm về cái đẹp đối với con người của cộng đồng trong sử thi. Từ đó, xây dựng vẻ đẹp hình tượng nhân vật anh hùng được mọi người ngưỡng mộ và sùng bái.

Hình ảnh, hoạt động, các bộ phận cơ thể và tâm lí của con người là trung tâm của phép so sánh để

làm rõ tính chất, hành động và mối quan hệ. Qua đó thể hiện vai trò, vị trí của con người trong đời sống văn hóa - xã hội. Đối với đối tượng là con người và những đối tượng liên quan đến con người, nghệ thuật so sánh đã góp phần làm rõ các quan niệm về vẻ đẹp của người Êđê đối với con người và hoạt động của con người. Từ đó, xây dựng hình tượng nhân vật anh hùng của cộng đồng.

3.2.3. Yếu tố được so sánh là những sự vật, hiện tượng trong cuộc sống

Ngoài đối tượng là con người, những đối tượng so sánh là những sự vật, hiện tượng trong cuộc sống, như: *ao iêng* (áo vảy), *klei mrai* (sợi chỉ), *tuôr* (con quay), *kpiê* (rượu), *ênai cing* (tiếng chiêng), *gỗ êsei* (nồi com),... được sử dụng trong sử thi Xing Nhã. Những yếu tố này tuy ít được sử dụng so với yếu tố con người nhưng đã góp phần làm nổi bật đời sống của nhân vật trong sử thi một cách sinh động, gần với cuộc sống thực tiễn. Những yếu tố được so sánh là những sự vật, hiện tượng trong cuộc sống còn thể hiện một cách tự nhiên về quan điểm, cảm xúc, thái độ,... của người nghệ sĩ dân gian đối với nhân vật sử thi và đời sống văn hóa của người Êđê. Ví dụ:

“*Ktuê mbông, hrông ktuk mtih.*” [3, tr.46].

(Chạy theo luồng đập vào thành tường.) [người dịch: Na My, giảng viên dạy tiếng Êđê, Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk].

Tiếng chiêng được so sánh đối chiếu với nhiều hình ảnh khác nhau. Trong suy nghĩ của người Êđê, chiêng là một trong những vật dụng biểu hiện sự giàu có của buôn làng. Tiếng chiêng càng ngân vang, càng thanh, càng rộn rã... thì cuộc sống của buôn làng càng no đủ, bình yên.

Hay hình ảnh áo vảy cũng được so sánh với vẻ đẹp của thiên nhiên:

“*Áo mế bruă kteh luôm juê.*” [3, tr.37].

(Áo như lá chuối non.) [người dịch: Na My, giảng viên dạy tiếng Êđê, Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk].

3.2.4. Yếu tố được so sánh là một số loài động vật, thực vật gắn liền với đời sống của con người

Yếu tố được so sánh trong sử thi Êđê là đàn bò, voi, trâu, cây thần (smuk, smun),... Ví dụ:

“*Êmô bħă rã mse si muôr hđăm.*” [4 tr.57].

(Bò nhiều như đàn kiến đàn mối.) [4, tr.873].

“*Êman nu mnê mse grăm aru.*” [4, tr.57].

(Tiếng con voi kêu như tiếng sấm gầm.) [4, tr.873]

“*Đlăng kbao ju si trong mtaħ, êmô hrah si trong ksa, bħa bħuôr si muôr hđăm.*” [1, tr.46].

(Trâu đen như cà xanh, bò đỏ như cà chín, nhưng nhúc như kiến, như mối.) [2, tr.49].

“*Phun sa thun dar, adhan sa mlan ktông, hla sa êwa cim phior.*” [1, tr.53].

(Gốc cây người đi quanh phải một năm, cành cây chim chuyền phải một tháng, tán lá cây chim bay hết một hơi.) [2, tr.58].

“*Hroh braih mtih mse mnga êpang.*” [1, tr.14].

(Giã gạo trắng như hoa êpang.) [2, tr.8].

Với từng đối tượng, tác giả sử dụng hình ảnh so sánh phù hợp, có giá trị nghệ thuật trong từng hoàn cảnh cụ thể. Mỗi đối tượng được so sánh theo một mô hình khác nhau có giá trị tạo hình, sinh động, hấp dẫn, góp phần làm nổi bật nhân vật anh hùng so với các nhân vật khác. Đối tượng so sánh của sử thi phong phú, đa dạng và thường được thể hiện các mô tip, như: Các chàng trai có vẻ đẹp hình dáng, có sức mạnh và trí tuệ hơn người,... Các cô gái có vẻ đẹp các bộ phận: chân, đùi, vú, ngực, răng, tóc,... Sự giàu có của buôn làng, của tù trưởng được tính bằng số lượng: voi, trâu, bò, gà, vịt, người đi lại, ngựa voi, ché, túc,... Đối tượng so sánh trong sử thi đã phản ánh đời sống văn hóa tinh thần của người Êđê. Qua sử thi, văn hóa cộng đồng hiện lên một cách chân thật và sống động.

3.3. Yếu tố phương diện so sánh (x)

Yếu tố phương diện so sánh (x) là yếu tố biểu thị một thuộc tính, một hoạt động của sự vật được nêu lên trong yếu tố được so sánh. Nó có vai trò thể hiện đặc trưng của sự vật mà yếu tố so sánh biểu thị. Đó là những động từ, tính từ chỉ trạng thái tình cảm, cảm xúc và hoạt động của các nhân vật, những đặc điểm của sự vật liên quan đến yếu tố được so sánh. Ví dụ: Yếu tố phương diện so sánh (x)

trong sử thi Êđê:

“*Dhẽ dhẽ mse djam kđuh cim.*” [3, tr.138].

(Múa nhẹ như cánh chim bay.) [3, tr.341].

“*K'khuk go djam ktang mse si kbao bi mnuh.*” [4, tr.44].

(Sức mạnh như con trâu húc nhau.) [4, tr.866].

“*Aseh êran hmar mse angin, blung liă blung lia knam.*” [4, tr.272].

(Ngựa chạy nhanh như gió lướt trên mây.) (ngựa chở Khing Ju) [4, tr.993].

Các tính từ *dhẽ* (nhẹ), *ktang* (mạnh); động từ *êran* (chạy) là yếu tố phương diện so sánh để làm rõ đặc điểm và hành động của đối tượng được so sánh.

3.2.1. Yếu tố quan hệ so sánh - từ ngữ so sánh (tnss)

Yếu tố quan hệ so sánh - từ ngữ so sánh (tnss) là yếu tố dùng để thể hiện sự tương quan so sánh ở dạng cụ thể. Sự vật được đem ra so sánh là ngang bằng hay hơn/kém so với sự vật được coi là chuẩn. Yếu tố quan hệ so sánh được xem là yếu tố đơn giản nhất trong cấu trúc so sánh, bao gồm các từ ngữ so sánh.

Trong sử thi Khing Ju từ ngữ biểu thị quan hệ so sánh ở bảng sau:

Bảng 2. *Tỉ lệ các từ ngữ so sánh được sử dụng trong sử thi Khing Ju*

(nguồn: Tài liệu tham khảo [22])

TT	Từ ngữ so sánh (tnss)	Số lượt	Tỉ lệ (%)
1	<i>Mse</i> (như)	117	56,5
2	<i>Si</i> (là)	50	24
3	<i>Mse si</i> (như là)	20	9,6
4	<i>Ciang mse</i> (tựa như)	3	1,4
5	<i>Kdlun</i> (hơn)	10	5
6	<i>Mđor</i> (bằng)	7	3,5
Tổng cộng		207	100%

Trong cấu trúc so sánh của sử thi Khing Ju, **tnss** là *mse* (như) được dùng phổ biến nhất, xuất hiện với tần số cao 117/207 (56,5%) so với các **tnss** khác. Tuy nhiên vẫn có một số cấu trúc so sánh vắng mặt mà thay vào đó là các từ ngữ so sánh khác. **tnss** biểu thị giá trị sắc thái khác nhau. Ví dụ: từ *si* (là) trong cấu trúc so sánh có giá trị tương đương như từ *mse* (như), nhưng sắc thái ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. *Mse* (như) có sắc thái giả định, chỉ sự tương đồng về một khía cạnh nào đó cảm nhận thiên về chủ quan, *si* (là) có sắc thái khẳng định, sự đồng nhất hoàn toàn sự đánh giá cơ sở khách quan.

Trong cấu trúc so sánh của sử thi Xing Nhã, **tnss** được thống kê ở bảng 2.2.

Bảng 3. *Tỉ lệ các từ ngữ so sánh được sử dụng trong sử thi Xing Nhã*

(nguồn: Tài liệu tham khảo [21])

TT	Từ ngữ so sánh (tnss)	Số lượt	Tỉ lệ (%)
1	<i>Mse</i> (như)	110	55,83
2	<i>Si</i> (như/là)	55	27,91
3	<i>Mse si</i> (như là)	14	7,1
4	<i>Kdlun</i> (hơn)	9	4,57
5	<i>Mđor</i> (bằng)	6	3,04
6	<i>Ciang mse</i> (tựa như)	3	1,52
Tổng cộng		197	100%

Qua bảng 2.2, *mse* (như) có tỉ lệ lớn nhất 110/197 (55,83%), tiếp theo là *si* (là) 55/197 (27,91%).

3.2.2. Yếu tố so sánh (B)

Yếu tố so sánh (B) được xem là hạt nhân của phép so sánh, quan trọng nhất và không thể thiếu trong cấu trúc so sánh, B là chuẩn của so sánh. Bởi vì, nếu không có yếu tố chuẩn thì không thành so

sánh. Tác giả dân gian đã sử dụng yếu tố so sánh đa dạng và phong phú, chủ yếu sử dụng những hình ảnh trong thế giới khách quan nhưng gần gũi, gần bó với đời sống thường ngày của con người. Đó là hình ảnh liên quan đến con người, hình ảnh động vật, hình ảnh thực vật và hình ảnh thiên nhiên,... để làm vật chuẩn có giá trị làm nổi bật vẻ đẹp hình dáng, hành động tính cách của con người. Những vật chuẩn trong cấu trúc so sánh gần bó gần gũi với đời sống của người Êđê. Chẳng hạn:

3.2.2.1. Yếu tố so sánh là hình ảnh liên quan đến con người

- So sánh các bộ phận của con người

“Buk nu dlông mse buk mniê.” [4, tr.162].

(Tóc dài như tóc các cô gái.) [4, tr.930].

“Káo sang mtáp êđai kđiêng tiêng tit aduôn ah.” [4, tr.285].

(Nhà ta bằng ngón tay út thôi bà ơi.) (Hbia Ling Pang nói khiêm tốn.) [người dịch: Na My, giảng viên dạy tiếng Êđê, Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk].

“Kda Yang Hruê... Buh asej nu djo buê.” [1, tr.63].

(Miêu tả Nữ Thần Mặt Trời: trước mặt Đăm Săn là một cô gái thân hình như hoa tai.) [2, tr.70].

Các bộ phận của con người, như: mái tóc, ngón tay, hoa tai,... được làm yếu tố so sánh, vừa cụ thể, dễ hiểu vừa nâng cao giá trị về đẹp của con người để làm rõ đối tượng được so sánh.

- Các hành động.

“Ayong Khing Ju kđat kujh boh cư sa băng mlai. Kujh boh drai sa băng nu mlung.” [4, tr.516].

(Khing Ju nhảy qua bảy ngọn núi chỉ một bước nhún, qua bảy ngọn thác chỉ một hơi chạy.) [4, tr.1104].

“Angin êbũ ắt dlông nu moh.” [3, tr.114].

(Gió bão cũng không bằng nó - ý nói hành động của chàng Xing Nhã.) [người dịch: Na My, giảng viên dạy tiếng Êđê, Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk].

Các hành động nhảy của Khing Ju được so sánh với hình ảnh: chỉ một bước nhún, chỉ một hơi chạy; gió bão cũng không bằng hành động của Xing Nhã,... Các hành động của nhân vật sử thi được so sánh với các hình tượng kì vĩ của tự nhiên đã góp phần làm rõ sức mạnh siêu phàm của nhân vật anh hùng.

- Các chi tiết sinh hoạt và các vật dụng thân thuộc trong đời sống.

“Nũ truh ngam mđáp mdian mniê pi tian si thao hğm.” [3, tr.60].

(Nó tới, dấu diêm người đàn bà có mang làm sao mà thoát.) [người dịch: Na My, giảng viên dạy tiếng Êđê, Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk].

“Mnuh ti gah jong mse trông arôk. Bi mnuh ôk jong mse trông hláo.” [4, tr.95].

(Người ở gian gah đông như chất củi, ngồi ở gian ôk đông như cái chày giã gạo.) [4, tr.894].

“Ai blũ hrei đơ bung mdei.” [3, tr.111].

(Sức nó lớn bằng cái gùi.) [người dịch: Na My, giảng viên dạy tiếng Êđê, Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk].

Chi tiết sinh hoạt, như: đốt lửa giữa đêm trăng; các vật dụng thân thuộc: cái cối, củi, cái chày giã gạo, cái gùi... Những chất liệu này, góp phần giúp người đọc và người nghe liên tưởng, cảm nhận được từng nhịp đập, hơi thở của cuộc sống, đồng thời làm nổi bật nét văn hóa đặc trưng của của người Êđê trong sử thi.

Chất liệu so sánh được dùng trong sử thi Êđê tạo nên sự liên tưởng tương đồng về một vài đặc điểm nào đó giữa các sự vật, hiện tượng được đối chiếu. Trong thực tế, có thể cùng một đối tượng so sánh nhưng được sử dụng nhiều chất liệu so sánh khác nhau. Tùy thuộc vào thái độ, cách lựa chọn của tác giả dân gian. Qua các hình ảnh so sánh tu từ, tác giả dân gian thể hiện thái độ: yêu, ghét, buồn, vui, khen, chê, khinh, trọng... với đối tượng được so sánh. Từ đó tác động đến tư tưởng, tình cảm đối với người nghe. Hình ảnh so sánh tu từ được kết hợp với các hình thức tu từ khác như phóng đại, trùng điệp giúp người đọc, người nghe liên tưởng đến những hình ảnh kì vĩ, siêu việt về vẻ đẹp hình tượng nhân vật anh hùng trong sử thi.

3.2.2.2. Yếu tố so sánh là hình ảnh động vật

Yếu tố so sánh là động vật trong sử thi Êđê, từ những loài vật nhỏ, như: *lir dua ktuốp* (đàn châu chấu), *cim băng yuôr* (con chim nhông), *hluất yuôr* (con sâu),... đến các loài vật lớn, như: cọp, tê giác, voi, trâu,... Ví dụ:

“*Mnuih lu boh biă yoh mse lir dua ktuốp.*” [4, tr.329].

(Người đông như đàn châu chấu.) [4, tr.1024].

“*Asei mlei mtih kni mse cim băng yuôr.*” [4, tr.162].

(Thân khỏe khoắn, trắng non như con chim nhông.) [4, tr.930].

“*Khing Ju kdlăm msuất mse hluất yuôr.*” [4, tr.318].

(Chàng uốn lượn như con sâu.) [4, tr.1018].

“*Nao yoh di nu dê, mnuih bhu si ktong, bhong si klap, nap nap si muôr hdăm...*” [1, tr.35].

(Đoàn người ra đi, đông như bầy cà tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến, như mối.) [2, tr.35].

“*Tiêt he kga, pla thuôn dôt, mhiu mhaio mse prao hlăm bang, mhuing mhuang mse êmeh hlam dhông, êmông hlam tráp ...*” [1, tr.60].

(Miêu tả Đăm Săn: Chàng dắt chà gác lên, rồi ngồi xuống, trông nghênh nghênh như con rắn trong hang, ngang như con cọp trong đầm, như con tê giác trong thung.) [2, tr.67].

“*Đăm Săn: Ktang đêi êmeh ih mġhan, ktang đêi eman ih mtrut...*” [1, tr.25].

(Đăm Săn nói với Hơ Ắng: chị cứ thúc tôi như thúc tê giác, chị cứ dục tôi như dục voi.) [2, tr.22].

Tác giả dân gian đã lấy hình ảnh các loài động vật gần gũi, quen thuộc với cuộc sống, sinh hoạt của người Êđê để so sánh, làm rõ bản chất, hành động, thuộc tính của đối tượng được so sánh, như: Những người dân trong buôn được miêu tả đông như đàn châu chấu, bầy cà tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến, như mối. Các loài vật có đặc điểm khỏe mạnh, nhanh nhẹn, như: voi, hổ, cọp, tê giác,... được sử dụng trong yếu tố so sánh để làm nổi bật bản chất hành động của người anh hùng.

3.2.2.3. Yếu tố so sánh là hình ảnh thực vật

Yếu tố so sánh là tên gọi các loài thực vật trong sử thi Êđê, rất phong phú và đa dạng. đó là những loài thực vật trong môi trường sống của người Êđê, như: *hwiê guôl đàng* (sợi mây chuốt), *hwiê guôl jôk* (sợi mây đan), *ana hra* (gốc cây sung), *agha kniêng* (rễ cây kniêng), *kmun* (dưa gang), *mkai* (dưa hấu), các loài hoa... Ví dụ:

“*Mlao mun nu mse hwiê guôl đàng. Mlao kang mse hwiê guôl jôk.*” [4, tr.76].

(Râu mép chàng như sợi mây chuốt. Râu cằm đẹp như sợi mây đan.) [4, tr.883].

“*Jong kġp ktang mse si ana hra. Klang pha nu mse agha kniêng.*” [4, tr.131].

(Hãy nhìn cặp chân chàng chắc khỏe như gốc cây sung, xương đùi chàng như rễ cây kniêng.) (Khing Ju) [4, tr.912].

“*Anei prong nao si kmun, prong nao si mkai.*” [1, tr.68].

(Nó lớn lên bằng quả dưa gang, rồi bằng quả dưa hấu.) [2, tr.76].

“*Hroh braih mtih mse mnga êpang.*” [1, tr.14].

(Giã gạo trắng như hoa êpang.) [2, tr.8].

“*Cơ dất mnga đing nuh đàng tuh knuh mráo.*” [3, tr.42].

(Nhìn họ như những bông hoa đang nở.) [3, tr.200].

Tác giả dân gian đã lấy đặc điểm của các loài thực vật, những đặc sản của núi rừng Tây Nguyên so sánh với tính cách, hoạt động của con người. Hình thức so sánh này vừa gần gũi, dân dã, chân chất, mộc mạc, đời thường, vừa cụ thể sinh động, dễ nhớ, dễ hiểu ẩn chứa những kinh nghiệm, những triết lý đời sống, lấy thiên nhiên làm đối tượng để so sánh với cuộc sống của con người, phù hợp với tư duy nông nghiệp, có giá trị làm rõ yếu tố cần được so sánh.

3.2.2.4. Yếu tố so sánh là hình ảnh thiên nhiên

Yếu tố so sánh là hình ảnh thiên nhiên trong sử thi Êđê, như: *kmla* (chớp), *grăm arong* (tiếng sấm gầm), *grăm aru* (tiếng sét đánh), *mtu suên tlam* (ánh sao), *mtu suên tlam* (trăng sao trên trời), *êwa angin êbu* (hơi thở của bão),... Ví dụ:

“*Khing Ju krên sbên dĩ đã đao uk ruk mse grăm arong. Tong arong mse grăm aru.*” [4, tr.317].

(Khing Ju giận dữ múa khiên, ừng ực như tiếng sấm gầm. Càng múa tiếng khiên càng nghe như tiếng sét đánh.) [4, tr.1017].

“*Dăm Săn: O hđeh o hđeh, ngac bi hgu bi hge mse kmla mlam.*” [1, tr.54].

(Dăm Săn nói với tôi tớ khi chặt cây thân: hãy tới tập vung tay búa, tay rìu như chớp giật trong đêm tối.) [2, tr.60].

“*Bô mta nu suéc wêc mse mtu suên tlam.*” [4, tr.162].

(Mặt sáng như ánh sao.) [4, tr.930].

“*Bô mta msuéc mse si mtu suên tlam.*” [4, tr.131].

(Mặt sáng như trăng sao trên trời.) (Khing Ju) [4, tr.912]

“*Êwa ayong Khing Ju ksuh mse êwa angin êbu. Pu puk sang ciăng bi yur bi kyong.*” [4, tr.344].

(Hơi thở của Khing Ju như cơn bão, thổi bay căn nhà, chòi rẫy tan tác.) [4, tr.1031]

“*Jik lao kêñ krô.*” [3, tr.80].

(Người nàng rục rờ như cầu vồng.) [3, tr.262].

“*Máo hđeh êdam máo cư knang.*” [3, tr.79].

(Có con trai như có núi cao để tựa.) [3 tr.260].

Các yếu tố so sánh trên, biểu hiện mối quan hệ của người Êđê với môi trường tự nhiên. Họ gắn bó với thực vật, động vật trong không gian núi rừng hùng vĩ, hiểu sâu sắc đặc điểm và các tính huống, cảnh ngộ liên quan đến động vật, thực vật. Từ đó vận dụng tri thức, kinh nghiệm vào đời sống, sử dụng các hình thức so sánh để làm rõ đặc điểm tính cách hành động của con người, tạo nên những trang sử thi sinh động, giàu hình ảnh. Hình thức này đã góp phần, làm cho lời văn sử thi dễ nhớ, dễ thuộc, đi vào lòng người một cách tự nhiên như chính đời sống của họ, đồng thời phản ánh nét văn hóa truyền thống của người Êđê.

4. Giá trị của nghệ thuật so sánh tu từ trong sử thi êđê

4.1. Đối với nội dung tác phẩm

So sánh tu từ tạo ra những hình ảnh cụ thể, sinh động. Đây là hình thức nghệ thuật được tác giả dân gian sử dụng trong sử thi Êđê với tần số cao để biểu hiện những cảm xúc, những suy nghĩ, đánh giá của cộng đồng trước đối tượng được thể hiện trong tác phẩm. Từ đó, qua diễn xướng giúp người nghe hiểu rõ hơn về bản chất, đặc điểm của sự vật, hiện tượng, nhận thức một cách cụ thể, sinh động, sâu sắc và biểu cảm về đối tượng. Các yếu tố trong cấu trúc so sánh tu từ được cụ thể hóa bằng những hình ảnh trực quan, sinh động giúp người nghe dễ nhớ, dễ thuộc, hiểu sâu hơn đối tượng được so sánh.

Mặt khác, so sánh tu từ gọi ra những hình ảnh khái quát, trừu tượng. Từ những hình ảnh cụ thể ở đối tượng được so sánh, biện pháp so sánh tu từ đã chuyển thành các hình ảnh mang tính khái quát trừu tượng. Hình thức nghệ thuật này đã giúp cho người đọc tổng hợp các sự vật, hiện tượng trong đời sống thành những quy luật, hoạt động trạng thái dễ nắm bắt. Qua đó tạo nên sự liên tưởng nhiều chiều, diễn tả được sâu thẳm trạng thái của đối tượng từ cụ thể đến mơ hồ khó nắm bắt, hướng đến tiếp nhận các quy luật khách quan của cuộc sống. So sánh tu từ còn có giá trị làm cho câu văn sử thi ngắn gọn, hàm súc gợi trí tưởng tượng phong phú, liên tưởng nhiều chiều. Từ thực tại cuộc sống trong sử thi hướng đến đến những giá trị cao đẹp vừa bay bổng, lãng mạn vừa kì vĩ siêu thực mang màu sắc thần thoại, tín ngưỡng, tâm linh.

4.2. Thể hiện nét đặc trưng văn hóa cộng đồng

Các yếu tố so sánh trong sử thi Êđê được sử dụng, góp phần thể hiện mối quan hệ của người Êđê với môi trường sống. Đồng thời các yếu tố so sánh có giá trị biểu đạt giàu hình tượng, đơn giản, phác thực, dễ nhớ, dễ hiểu. Hình ảnh một số hiện tượng tự nhiên quen thuộc như: gió, bão, chớp, cầu

vòng,... lúc nhẹ nhàng, đầm thắm; lúc mạnh mẽ khốc liệt, được đưa vào làm đối tượng so sánh để liên tưởng về sức mạnh và khí phách của người anh hùng. Đối tượng so sánh là các hình ảnh của thế giới tự nhiên được kết hợp với nghệ thuật phóng đại, cường điệu hóa góp phần làm cho vẻ đẹp nhân vật sử thi trở nên kì vĩ khác thường. Hình thức nghệ thuật này, đã thể hiện khát vọng con người được đứng ngang tầm với thế giới tự nhiên và làm chủ thiên nhiên của con người Êđê, phù hợp với đặc trưng thể loại.

Yếu tố so sánh được sử dụng qua tên gọi, hình ảnh, đặc điểm kèm theo các tình huống, hoàn cảnh xuất hiện của động vật, thực vật, các hiện tượng thiên nhiên và cuộc sống của con người, thể hiện nét riêng mang dấu ấn đặc trưng văn hóa của người Êđê. Các sự vật, hiện tượng được sử dụng làm yếu tố so sánh gần gũi, thân thiết với cuộc sống của cộng đồng người Êđê nhằm làm rõ bản chất của đối tượng được so sánh một cách chân thực, cụ thể, trực quan.

5. Kết luận

Sử thi Êđê là một trong những thể loại của văn học dân gian. Đó là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng, là kết quả của những quá trình sáng tác tập thể, nó gắn bó và phục vụ trực tiếp cho các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng. Đây là thể loại văn học có tính nguyên hợp cao, ngoài giá trị về văn học, ngôn ngữ còn chứa đựng những tư liệu quý giá về lịch sử, tư tưởng, văn hoá, phong tục tập quán của người dân bản địa. Ngôn ngữ sử thi giàu hình tượng, sinh động, tinh tế, hàm súc, chính xác, sâu sắc, có giá trị liên tưởng và khái quát cao qua nghệ thuật so sánh tu từ.

So sánh tu từ được sử dụng phổ biến ở các thể loại của văn học dân gian, thơ ca và cả văn xuôi. Tùy vào từng mục đích và hoàn cảnh khác nhau mà phép so sánh tu từ được sử dụng để diễn đạt sự liên tưởng, thái độ và tình cảm của người nghệ sĩ đối với sự vật, sự việc trong tác phẩm. So sánh tu từ trong sử thi Êđê, có cấu trúc và quan hệ gồm bốn yếu tố như so sánh trong ngôn ngữ nói chung. Đó là thao tác đem sự vật này đối chiếu với sự vật khác để nhìn thấy nét tương đồng và khác biệt giữa chúng, nhằm gợi ra hình ảnh cụ thể, tạo những cảm xúc thẩm mĩ trong nhận thức người đọc, người nghe, tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Các yếu tố so sánh trong sử thi Êđê gắn với môi trường sống, quan niệm nhân sinh, nhận thức về sự vật, hiện tượng và phong tục văn hóa của cộng đồng, góp phần tạo âm hưởng hoành tráng, dễ nhớ, dễ thuộc, để lại ấn tượng mạnh mẽ cho người nghe. Hình thức nghệ thuật này đã góp phần biểu đạt cảm xúc, liên kết lời văn, liền mạch, giàu nhạc điệu tạo nên giá trị nghệ thuật đặc sắc cho tác phẩm... Đồng thời thể hiện rõ nét đặc trưng thể loại và nét văn hóa đặc sắc của người Êđê được biểu hiện trong sử thi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hữu Đạt (2001), *Phong cách học tiếng Việt hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. E.M. Meletinxky (1963), *Từ sử thi cổ sơ đến sử thi cổ điển*. Nxb Văn học, Phương Đông, Moscova.
3. Nguyễn Minh Hoạt (2018), *Nghệ thuật so sánh tu từ và trùng điệp trong sử thi Dăm Săn qua lời nói văn*. Ngôn ngữ số 4 (347) tr.24-32.
4. Nguyễn Minh Hoạt (2018), *Nghệ thuật so sánh tu từ trong sử thi Xing Nhã*. Giáo dục và xã hội, số đặc biệt kỳ 2 tháng 6, tr.99-104.
5. Nguyễn Minh Hoạt (2019), *Khai thác giá trị ngôn ngữ và văn hóa của sử thi Êđê ứng dụng vào giáo dục và đào tạo ở Tây Nguyên*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Đinh Trọng Lạc (chủ biên) - Nguyễn Thái Hòa (1993), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Đinh Trọng Lạc (1994), *99 Biện pháp tu từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Đinh Trọng Lạc (1998), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Nguyễn Thế Lịch (1998), *Các yếu tố và cấu trúc của so sánh nghệ thuật....*. Tạp chí Ngôn ngữ (1 Số phụ).
10. Hoàng Phê - chủ biên (1997), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

11. Cù Đình Tú (1983), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb ĐH và THCN, Hà Nội.
12. Cù Đình Tú (2007), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
13. Trương Thông Tuấn (2005), *Ngôn ngữ sử thi Tây Nguyên giàu nhạc điệu*. Khoa học Xã hội, số 3+4 (91+92) - Viện KHXH Vùng Nam Bộ.
14. Phan Đăng Nhật (1991), *Sử thi Êđê*, Nxb KHXH, Hà Nội.
15. Võ Quang Nhơn (1997), *Sử thi anh hùng Tây Nguyên*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
16. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2013), *Báo cáo kết quả Dự án “Điều tra, sưu tầm, bảo quản, biên dịch và xuất bản kho tàng sử thi Tây Nguyên”* do Viện Khoa học Xã hội Việt Nam phối hợp với các tỉnh Tây Nguyên và vùng phụ cận thực hiện từ tháng 10/2001.
17. Henri Maitre (1912), *Rừng người thượng, vùng rừng núi Cao Nguyên miền Trung Việt Nam*, (Lưu Đình Tuấn dịch năm 2008), Nxb Tri thức.

NGUỒN DẪN LIỆU

- [1] Nguyễn Hữu Thấu (sưu tầm, biên dịch, chỉnh lí) (2003), *Sử thi Êđê - Khan Đăm Săn và Khan Đăm Kteh Mlan*, tập 1 (tiếng Êđê), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Hữu Thấu (sưu tầm, biên dịch, chỉnh lí) (2003), *Sử thi Êđê - Khan Đăm Săn và Khan Đăm Kteh Mlan*, tập 2 (tiếng Việt), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Văn hoá (2007), *Kho tàng sử thi Tây Nguyên - Sử thi Êđê - Xing Nha*, Nxb KHXH, Hà Nội.
- [4] Viện KHXH Việt Nam (2007), *Kho tàng sử thi Tây Nguyên - Sử thi Êđê - Khing Ju*, Nxb KHXH, Hà Nội.
- [5] Đào Tử Chí - dịch và chú giải (1959), *Đăm Săn*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [6] Y Diêng, Y Yung, Kơ xo Blêu, Ngọc Anh (1963), *Trường ca Tây Nguyên*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Comparative rhetoric in some epics of the Ede people in the Central Highlands of Vietnam

Abstract: The Ede epic is a part of the epic of the Central Highlands, Vietnam, created by the Ede people in the early period of history. This is a genre filled with fictional, beautiful colors; its language has rhymes, rhythms, describing heroic feats in labor and combat; monumental and majestic images of major events taken place in the life of the community. The epic of Ede comprehensively reflects the economic, social life and customs of Ede people. It, simultaneously, expresses a desire of the nation on a happy and prosperous life; praises love, nobility, and human courage before the trials of nature and in the struggle against evil. On the basis of the theory of comparative and rhetorical comparison; the structure of rhetorical comparison, the article studies the art of rhetorical comparison in some epics: Dam San, Xing Nha, Khing Ju of the Ede people in the Central Highlands of Vietnam; Clarifying the elements of rhetorical comparison, such as: The element to be compared; Comparative aspect factor; Comparative relation elements - comparative words; Comparative factor. Thereby clarifying the value of the art of rhetorical comparison in the Ede epic for the content of the work and showing the cultural features of the Ede people in ancient times.

Key words: compare rhetoric; epics; Ede; Dam San; Xing Nha; Khing Ju; Central Highlands; Vietnam.